

Số: 706 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản
quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/03/2012
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật ngày 16/04/2012
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ
chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban
hành Quy chế làm việc của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế soạn thảo, ban hành
và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản
lý nhà nước của Bộ Xây dựng*”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thay thế Quyết định số 101/QĐ-BXD ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chế soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Bãi bỏ Điều 8 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 394/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thủ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Đảng ủy BXD;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Minh

QUY CHẾ
SOẠN THẢO, BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Văn bản QPPL do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định tại Quy chế này bao gồm:

- Bộ luật, luật (sau đây gọi là luật), nghị quyết của Quốc hội;
- Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Nghị định, nghị quyết của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Vụ, Cục, Viện, Văn phòng Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ), các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản QPPL của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản QPPL được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

Điều 4. Phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân công cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện nhiệm vụ soạn thảo văn bản QPPL, tham mưu trình văn bản QPPL.
2. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ soạn thảo văn bản QPPL được gọi là cơ quan chủ trì soạn thảo.
3. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ tham mưu trình văn bản QPPL được gọi là cơ quan tham mưu trình.
4. Một cơ quan, đơn vị có thể được phân công đồng thời thực hiện nhiệm vụ soạn thảo và nhiệm vụ tham mưu trình đối với một văn bản QPPL.

Điều 5. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng

1. Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ Xây dựng gồm các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này.

2. Trình tự xây dựng Chương trình:

- a) Trước ngày 15 tháng 9 hằng năm, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình và yêu cầu thực tế để đăng ký xây dựng văn bản QPPL năm sau gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp.

Tờ trình đăng ký chương trình theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này;

- b) Vụ Pháp chế tổng hợp, hoàn thiện Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ hằng năm, xin ý kiến các Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực, trình Bộ trưởng ký ban hành.

Đối với các văn bản QPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Vụ Pháp chế tổng hợp vào Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ những văn bản đã được đưa vào Chương trình lập pháp của Quốc hội, Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản QPPL

1. Việc đề xuất điều chỉnh Chương trình thực hiện đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, đánh giá đầy đủ, toàn diện trước khi đề xuất điều chỉnh Chương trình. Việc đề xuất điều chỉnh đối với các văn bản đã có trong Chương trình phải được thực hiện trước thời hạn trình theo Chương trình.

2. Các trường hợp đề xuất điều chỉnh Chương trình bao gồm:

- a) Bổ sung vào Chương trình những văn bản QPPL phải soạn thảo, ban hành trong các trường hợp: phát sinh nhiệm vụ mới được giao tại văn bản QPPL mới ban hành, văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền, do yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL hoặc

để thực hiện các điều ước quốc tế;

b) Đưa ra khỏi Chương trình những dự thảo không còn cần thiết phải ban hành hoặc do có sự thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội;

c) Điều chỉnh lùi thời gian trình đối với các dự thảo dự kiến không bảo đảm tiến độ vì lý do khách quan hoặc điều chỉnh cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình được giao theo Chương trình;

d) Gộp hai hoặc nhiều văn bản QPPL thuộc cùng một cơ quan có thẩm quyền ban hành thành 01 văn bản QPPL.

3. Trình tự điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản QPPL được thực hiện như sau:

a) Đối với văn bản QPPL trình cấp có thẩm quyền ban hành:

Cơ quan tham mưu trình báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách. Riêng đối với văn bản QPPL trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phải có văn bản xin ý kiến của Bộ Tư pháp trước khi báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách.

b) Đối với thông tư, thông tư liên tịch (nếu có):

Cơ quan tham mưu trình xin ý kiến Thứ trưởng phụ trách trước khi có văn bản báo cáo Bộ trưởng để xem xét, quyết định việc điều chỉnh. Sau khi có ý kiến của Bộ trưởng, chuyển Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi.

4. Nội dung văn bản đề nghị điều chỉnh:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

Văn bản đề nghị điều chỉnh bao gồm các nội dung: tên văn bản; sự cần thiết ban hành (cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn); mục đích ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; định hướng nội dung, các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); nguồn lực thực hiện (cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình, cơ quan, đơn vị phối hợp, Lãnh đạo Bộ phụ trách); kế hoạch soạn thảo văn bản;

b) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều này: văn bản đề nghị điều chỉnh phải nêu rõ cơ sở pháp lý, lý do điều chỉnh, phương hướng, giải pháp đề xuất thực hiện.

5. Căn cứ tình hình thực tiễn, Vụ Pháp chế tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ.

Điều 7. Xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với chính sách, dự án, dự thảo văn bản QPPL thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm

quyền của Đảng. Việc xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với các vấn đề lớn sau đây của chính sách, dự án, dự thảo văn bản QPPL:

1. Quan điểm và nội dung về những vấn đề quan trọng liên quan đến thể chế chính trị, thể chế kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người, quyền công dân trong chính sách, dự án, dự thảo văn bản QPPL.

2. Quan điểm và nội dung về những vấn đề cơ bản còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách mới, quan trọng hoặc cơ chế, chính sách đặc thù theo nghị quyết của Đảng trong chính sách, dự án, dự thảo văn bản QPPL.

Điều 8. Truyền thông chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình xây dựng nội dung truyền thông chính sách, dự án, dự thảo văn bản QPPL theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và tổ chức truyền thông bằng hình thức phù hợp.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản QPPL thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và Điều 4 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng có thể ban hành quyết định hành chính để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản QPPL do mình ban hành trong trường hợp toàn bộ hoặc một phần nội dung văn bản trái pháp luật hoặc trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu, trình Bộ trưởng ban hành quyết định quy định tại khoản này.

Điều 10. Quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật

Việc quy định thủ tục hành chính trong văn bản QPPL phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu, điều kiện, quy định tại Điều 5 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Nội dung tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Nội dung tờ trình dự án, dự thảo văn bản QPPL trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trường hợp Tờ trình của dự án, dự thảo văn bản QPPL trình Chính phủ có độ dài trên 10 trang A4 thì phải có tờ trình tóm tắt dưới 08 trang A4.

Chương II **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA** **QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

Mục 1 **ĐỊNH HƯỚNG LẬP PHÁP NHIỆM KỲ CỦA QUỐC HỘI VÀ CHƯƠNG** **TRÌNH LẬP PHÁP HÀNG NĂM CỦA QUỐC HỘI**

Điều 12. Lập đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Căn cứ xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện việc rà soát, nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, gửi văn bản đề xuất đến Vụ Pháp chế tổng hợp trước ngày 01 tháng 5 năm đầu tiên nhiệm kỳ của Quốc hội.

2. Văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp phải nêu rõ tên luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc vấn đề cần nghiên cứu, rà soát; căn cứ, nội dung cần được nghiên cứu, rà soát, thể chế hoá; cơ quan chủ trì thực hiện; dự kiến thời hạn hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát và thời hạn cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (nếu có).

3. Vụ Pháp chế chủ trì tổng hợp đề xuất nhiệm vụ lập pháp, tham mưu văn bản đề xuất của Bộ, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp trước ngày 01 tháng 6 năm đầu tiên nhiệm kỳ của Quốc hội.

Điều 13. Triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Căn cứ kế hoạch thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội đã được Thủ tướng Chính phủ phân công, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện tại Bộ; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, tham mưu báo cáo của Bộ, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

2. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ lập pháp mới, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có đề xuất chủ động tham mưu Bộ gửi văn bản đề xuất đến Bộ Tư pháp tổng hợp, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi.

Điều 14. Lập Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội

1. Căn cứ Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội hoặc yêu cầu giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn (nếu có), các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ gửi văn bản đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đến Vụ Pháp chế trước ngày 01 tháng 5 hằng năm để tổng hợp.

2. Văn bản đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề

mới, xu hướng mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); thời gian dự kiến trình và thông qua của từng luật, pháp lệnh, nghị quyết; tiến độ các công việc đã thực hiện (nếu có).

3. Vụ Pháp chế chủ trì tổng hợp đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tham mưu văn bản đề xuất của Bộ, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp chậm nhất trước ngày 01 tháng 6 hằng năm.

Điều 15. Thực hiện Chương trình lập pháp hằng năm

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; định kỳ hằng tháng báo cáo và cập nhật thông tin về tình hình thực hiện Chương trình, tình hình điều chỉnh Chương trình, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết gửi Vụ Pháp chế trước ngày 20 hằng tháng để tổng hợp.

2. Vụ Pháp chế chủ trì, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình; tổng hợp thông tin về tình hình thực hiện Chương trình, tình hình điều chỉnh Chương trình, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 25 hằng tháng để tổng hợp.

3. Trường hợp đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm, căn cứ khoản 1 Điều 26 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, cơ quan, đơn vị có đề xuất xây dựng dự thảo tờ trình đề xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, tham mưu Bộ có văn bản gửi xin ý kiến của Bộ Tư pháp; tham mưu Bộ gửi tờ trình đề xuất kèm văn bản của Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Sau khi có nghị quyết của Chính phủ về việc điều chỉnh chương trình lập pháp hằng năm, cơ quan, đơn vị có đề xuất tham mưu Bộ trưởng thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký tờ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, theo dõi, đôn đốc. Việc thực hiện các nội dung trên được đồng thời gửi đến Vụ Pháp chế để theo dõi.

Mục 2 XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Điều 16. Các trường hợp thực hiện quy trình xây dựng chính sách

1. Các trường hợp thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, bao gồm:

a) Luật, pháp lệnh mới; luật, pháp lệnh thay thế các luật, pháp lệnh hiện hành;

b) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp;

c) Nghị quyết thí điểm của Quốc hội.

2. Đối với dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách nhưng phải nêu rõ tác động của chính sách trong bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách.

Điều 17. Xác định nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách

Cơ quan chủ trì soạn thảo xác định chính sách, xây dựng nội dung chính sách theo quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025; đánh giá tác động của chính sách, xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại Điều 29 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và Điều 14 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Lấy ý kiến, tham vấn, truyền thông chính sách

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này.

2. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Bộ lấy ý kiến, tham vấn chính sách, theo quy định tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản QPPL và Điều 2, Điều 15 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Cơ quan tham mưu trình thực hiện đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 19. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định chính sách của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu ý kiến, tham vấn chính sách, hoàn thiện hồ sơ đề xuất chính sách, tham mưu Bộ gửi hồ sơ đề xuất chính sách đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

2. Trước khi tham mưu Bộ gửi hồ sơ đề xuất chính sách đến Bộ Tư pháp thẩm định, cơ quan tham mưu trình lấy ý kiến phối hợp của Văn phòng Bộ đối với nội dung liên quan đến thủ tục hành chính; lấy ý kiến phối hợp của Vụ Pháp chế về hồ sơ, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trình tự, thủ tục đề xuất chính sách, nội dung khác (nếu có).

3. Hồ sơ chính sách gửi thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định;
- b) Dự thảo tờ trình;
- c) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;

d) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách;

đ) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến chính sách;

e) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách;

g) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn.

4. Mẫu một số tài liệu, hồ sơ chính sách thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 20. Trình Chính phủ thông qua chính sách

1. Sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trước khi trình Chính phủ, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với hồ sơ đề xuất chính sách thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Bộ trình Chính phủ, đồng thời, gửi Bộ Tư pháp hồ sơ chính sách luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Mục 3

SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 21. Soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự án văn bản theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 33 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình tham mưu Bộ tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Ban hành văn bản QPPL và Điều 2, điểm c khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đăng tải hồ sơ dự án văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn

bản QPPL năm 2025 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong thời gian ít nhất là 20 ngày để lấy ý kiến.

4. Hồ sơ dự án văn bản gửi phản biện xã hội, lấy ý kiến, đăng tải quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, bao gồm:

- a) Dự thảo tờ trình;
- b) Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết;
- c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo;
- d) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo;
- đ) Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc trong dự thảo (nếu có);
- e) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách trong trường hợp dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết không thuộc trường hợp phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo;
- g) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh, nghị quyết hiện hành;
- h) Tài liệu khác (nếu có).

5. Cơ quan tham mưu trình thực hiện đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 22. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham vấn, phản biện xã hội, góp ý, hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh, tham mưu Bộ gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định.

2. Trước khi gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định, cơ quan tham mưu trình lấy ý kiến phối hợp của Văn phòng Bộ đối với nội dung liên quan đến thủ tục hành chính; lấy ý kiến phối hợp của Vụ Pháp chế về hồ sơ, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trình tự, thủ tục ban hành văn bản, nội dung khác (nếu có).

3. Hồ sơ dự án gửi thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định;
- b) Dự thảo tờ trình;
- c) Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết;
- d) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan

hệ xã hội liên quan đến dự thảo;

đ) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo;

e) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc (nếu có);

g) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách trong trường hợp dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết không thuộc trường hợp phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo;

h) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh, nghị quyết hiện hành;

i) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội;

k) Tài liệu khác (nếu có).

Điều 23. Trình Chính phủ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh. Việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trước khi trình Chính phủ, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, tham mưu Bộ trình Chính phủ, đồng thời, gửi Bộ Tư pháp hồ sơ dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 24. Tiếp thu, giải trình, chỉnh lý, rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản đối với dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Bộ tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra, chỉnh lý dự thảo văn bản và xây dựng dự thảo báo cáo của Chính phủ về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo; gửi Bộ Tư pháp dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được tiếp thu, chỉnh lý.

2. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan, hoàn thiện dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, tham mưu Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm chất lượng, thời hạn theo quy định.

CHƯƠNG III

XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG

Mục 1

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 25. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo được thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình đề xuất, lập danh mục văn bản, nội dung quy định chi tiết theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; gửi Vụ Pháp chế tổng hợp.

2. Trên cơ sở đề xuất tại khoản 1 Điều này, Vụ Pháp chế tổng hợp, hoàn thiện danh mục văn bản quy định chi tiết, báo cáo Lãnh đạo Bộ, gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo được thông qua.

Điều 26. Thông báo nội dung giao cho chính quyền địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết

1. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ tham mưu Bộ có văn bản thông báo cho bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung giao quy định chi tiết tại trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nghị định, nghị quyết, quyết định đó được ký ban hành.

2. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư tham mưu Bộ có văn bản thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung giao quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư đó được ký ban hành.

Điều 27. Theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình văn bản quy định chi tiết:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chậm nhất là ngày 20 hằng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết về Vụ Pháp chế để tổng hợp.

2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế:

Chậm nhất là ngày 25 hằng tháng, Vụ Pháp chế tổng hợp, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết về Bộ Tư pháp để tổng hợp.

3. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu trình văn bản được quy định chi tiết:

a) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hằng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành thông tư; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Điều 28. Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Việc đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Vụ Pháp chế chủ trì, tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, tham mưu Bộ có văn bản đăng ký vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với việc xây dựng văn bản QPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc điều chỉnh Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

Mục 2 XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 29. Soạn thảo nghị định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự thảo nghị định theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình tham mưu Bộ tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các đơn vị liên quan tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến theo quy định tại Điều 2, các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đăng tải hồ sơ dự án văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.

4. Hồ sơ dự thảo nghị định để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây:

- a) Tờ trình;
- b) Dự thảo văn bản;
- c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan;
- d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;
- đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có);
- e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo văn bản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025;
- g) Tài liệu khác (nếu có).

5. Cơ quan tham mưu trình thực hiện đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 30. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo nghị định

1. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị định, tham mưu Bộ gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định.

2. Trước khi tham mưu Bộ gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định, cơ quan tham mưu trình lấy ý kiến phối hợp của Văn phòng Bộ đối với nội dung liên quan đến thủ tục hành chính; lấy ý kiến phối hợp của Vụ Pháp chế về hồ sơ, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trình tự, thủ tục ban hành văn bản, nội dung khác (nếu có).

3. Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, bao gồm văn bản đề nghị thẩm định và các tài liệu sau đây:

- a) Dự thảo tờ trình;
- b) Dự thảo văn bản;
- c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan;
- d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;
- đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có);
- e) Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo trong trường hợp soạn thảo văn bản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025;
- g) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.

Điều 31. Trình Chính phủ dự thảo nghị định

1. Sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị định. Việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị định được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.
2. Trước khi trình Chính phủ, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự thảo nghị định thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
3. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo và tham mưu Bộ trình Chính phủ, đồng thời, gửi Bộ Tư pháp hồ sơ dự thảo nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 32. Soạn thảo nghị quyết

1. Đối với nghị quyết quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và nghị quyết thực hiện thí điểm một số chính sách khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ:
 - a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;
 - b) Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này;
 - c) Cơ quan tham mưu trình tham mưu Bộ tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đăng tải bản tổng

hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

2. Đối với nghị quyết của Chính phủ thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 27, khoản 4 Điều 32 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này;

c) Cơ quan tham mưu trình tham mưu Bộ tổ chức lấy ý kiến, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các đơn vị liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến;

d) Cơ quan tham mưu trình thực hiện đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 33. Thẩm định nghị quyết

1. Đối với nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và nghị quyết của Chính phủ thực hiện thí điểm một số chính sách khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ thì không thực hiện việc thẩm định.

2. Đối với nghị quyết của Chính phủ thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ, cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Bộ gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Trước khi tham mưu Bộ gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo nghị quyết, cơ quan tham mưu trình lấy ý kiến phối hợp của Văn phòng Bộ đối với nội dung liên quan đến thủ tục hành chính; lấy ý kiến phối hợp của Vụ Pháp chế về hồ sơ, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trình tự, thủ tục ban hành văn bản, nội dung khác (nếu có).

Điều 34. Trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị quyết

1. Đối với nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và nghị quyết của Chính phủ thực hiện thí điểm một số chính sách khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ:

a) Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết và tham mưu Bộ trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết.

Trước khi trình Chính phủ, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự thảo nghị quyết thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

b) Hồ sơ trình dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Đối với nghị quyết của Chính phủ thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ:

a) Sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Trước khi trình Chính phủ, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự thảo nghị quyết thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

b) Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện và tham mưu Bộ trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Mục 3 **XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH** **CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Điều 35. Soạn thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình tổ chức đăng tải, lấy ý kiến, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các đơn vị liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.

4. Hồ sơ dự thảo quyết định lấy ý kiến gồm dự thảo các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo quyết định;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có);

e) Các tài liệu khác (nếu có).

5. Cơ quan tham mưu trình thực hiện đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 36. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định

1. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Bộ gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định.

2. Hồ sơ gửi thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Dự thảo tờ trình;

b) Dự thảo quyết định;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có);

e) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý;

g) Các tài liệu khác (nếu có).

3. Trước khi tham mưu Bộ gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định, cơ quan tham mưu trình lấy ý kiến phối hợp của Văn phòng Bộ đối với nội dung liên quan đến thủ tục hành chính; lấy ý kiến phối hợp của Vụ Pháp chế về hồ sơ, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trình tự, thủ tục ban hành văn bản, nội dung khác (nếu có).

Điều 37. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định

1. Sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự thảo quyết định thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện và tham mưu Bộ trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, gửi Bộ Tư pháp hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Mục 4

XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG

Điều 38. Soạn thảo thông tư

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình thực hiện truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Điều 8 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình tham mưu Bộ tổ chức đăng tải, lấy ý kiến, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các đơn vị liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.

4. Hồ sơ dự thảo thông tư bao gồm: dự thảo tờ trình; dự thảo thông tư; bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có); báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

5. Cơ quan tham mưu trình thực hiện đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

6. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ phụ trách về tiến độ xây dựng thông tư; việc

nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia trong quá trình chỉnh lý dự thảo thông tư; chất lượng dự thảo thông tư được phân công soạn thảo, tham mưu trình.

Điều 39. Thẩm định dự thảo thông tư

1. Việc thẩm định dự thảo thông tư có nội dung về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trước khi thực hiện thẩm định theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL và Quy chế này.

2. Trách nhiệm thẩm định:

a) Đối với các dự thảo thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo hoặc tham mưu trình thì Bộ trưởng phân công đơn vị khác tổ chức thẩm định hoặc thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức họp thẩm định;

b) Đối với các dự thảo thông tư không do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo hoặc tham mưu trình thì Vụ Pháp chế chủ trì việc thẩm định;

c) Tùy nội dung dự thảo thông tư, Vụ Pháp chế tham mưu Bộ có thể mời đại diện của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học tham gia thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến thẩm định, người tham gia cuộc họp thẩm định hoặc hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và các nội dung khác có liên quan.

3. Cơ quan tham mưu trình gửi hồ sơ thẩm định bản điện tử và 01 bản giấy bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 38 của Quy chế này và Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; tài liệu khác (nếu có).

Vụ Pháp chế tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo thông tư. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị cơ quan tham mưu trình bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trường hợp tổ chức cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định gửi tài liệu họp thẩm định đến các thành viên tham gia thẩm định chậm nhất là 03 ngày làm việc, trước ngày tổ chức thẩm định. Thành viên tham gia thẩm định nghiên cứu hồ sơ dự thảo thông tư và phát biểu ý kiến thẩm định.

Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi kết thúc cuộc họp hội đồng thẩm định.

5. Nội dung thẩm định gồm:

a) Sự cần thiết ban hành thông tư; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của thông tư;

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính (nếu có);

đ) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có);

e) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

6. Báo cáo thẩm định phải thể hiện đầy đủ ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 5 Điều này và theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

7. Cơ quan tham mưu trình phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý dự thảo.

Điều 40. Trình tự xem xét, ký ban hành thông tư

1. Hồ sơ dự thảo thông tư trình Bộ trưởng gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 38 của Quy chế này đã được chỉnh lý;

b) Báo cáo thẩm định;

c) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

2. Trước khi trình Bộ trưởng, cơ quan tham mưu trình báo cáo, xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự thảo thông tư thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

3. Cơ quan tham mưu trình báo cáo Bộ trưởng về dự thảo thông tư.

4. Bộ trưởng xem xét, ký ban hành thông tư hoặc phân công Thứ trưởng phụ trách ký ban hành thông tư.

CHƯƠNG IV XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN VÀ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 41. Các trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

Các trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

Điều 42. Đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình:

a) Tham mưu Bộ có văn bản báo cáo Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Tham mưu Bộ có văn bản đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Báo cáo Bộ trưởng quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành.

2. Việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trước hoặc trong quá trình xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản QPPL. Trường hợp xây dựng văn bản QPPL quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 khi được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn thì không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách.

3. Văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

Điều 43. Soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, trình ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 51 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và khoản 1 Điều 35, khoản 5 Điều 38, khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Việc phân định trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình tương ứng theo từng bước trong quy trình xây dựng văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục thông thường.

2. Trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành dự thảo văn bản, cơ quan tham mưu trình báo cáo xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với dự thảo văn bản thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Điều 44. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt

Việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL trong trường hợp đặc biệt được thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 35 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 45. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc kiểm tra, xử lý văn bản QPPL được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL.
2. Cơ quan tham mưu trình văn bản giúp Bộ trưởng thực hiện việc tự kiểm tra văn bản do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc liên tịch ban hành; tự kiểm tra văn bản do Bộ trưởng ban hành hoặc liên tịch ban hành.
3. Vụ Pháp chế là đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện việc tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tự kiểm tra văn bản; thực hiện kiểm tra các văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phối hợp với Vụ Pháp chế trong việc kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền.

Điều 46. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL.
2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ giúp Bộ trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình.
3. Vụ Pháp chế đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Bộ.

Điều 47. Tổ chức thi hành, theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo, cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc tổ chức thi hành, theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản QPPL, báo cáo, cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản QPPL (sau đây gọi chung là tổ chức thi hành pháp luật) được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL.
2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ giúp Bộ trưởng thực hiện tổ chức thi hành pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình.
3. Vụ Pháp chế đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả tổ chức thi hành pháp luật chung của Bộ.

Điều 48. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung phải được hợp nhất với văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung.
2. Cơ quan tham mưu trình văn bản được sửa đổi, bổ sung chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đó thực hiện việc hợp nhất văn bản QPPL. Văn bản hợp nhất phải bảo đảm tính chính xác về nội dung, kỹ thuật hợp nhất và

phải trình Bộ trưởng ký xác thực theo đúng thời gian quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 5 Điều 7 của Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL:

a) Đối với văn bản QPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung do Văn phòng Chính phủ gửi đến, cơ quan tham mưu trình hoàn thành việc hợp nhất và trình Bộ trưởng hoặc Lãnh đạo Bộ phụ trách ký xác thực văn bản hợp nhất;

b) Đối với thông tư, thông tư liên tịch: chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, cơ quan tham mưu trình hoàn thành việc hợp nhất và trình Bộ trưởng hoặc Lãnh đạo Bộ phụ trách ký xác thực văn bản hợp nhất.

3. Sau khi hoàn thành việc hợp nhất văn bản QPPL, cơ quan tham mưu trình gửi đăng tải, cập nhật văn bản hợp nhất theo quy định tại Điều 51 của Quy chế này.

Điều 49. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện pháp điển, cập nhật vào Bộ Pháp điển đối với QPPL trong văn bản QPPL do mình chủ trì soạn thảo; QPPL trong văn bản QPPL điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được Bộ giao quản lý.

2. Việc pháp điển phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ về nội dung theo đề mục, quy trình và kỹ thuật pháp điển quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Pháp lệnh Pháp điển hệ thống QPPL và Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Pháp điển hệ thống QPPL.

Điều 50. Gửi văn bản quy phạm pháp luật đăng Công báo

Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng Bộ gửi thông tư, thông tư liên tịch (nếu có) đến Văn phòng Chính phủ để đăng tải trên công báo điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Thông tư, thông tư liên tịch (nếu có) được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn phải được gửi đến Văn phòng Chính phủ ngay trong ngày ký ban hành để đăng tải trên công báo điện tử.

Điều 51. Đăng tải, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và cung cấp thông tin, xây dựng thông cáo báo chí

1. Vụ Pháp chế cập nhật văn bản QPPL và văn bản hợp nhất theo quy định của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Cơ quan tham mưu trình cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí về văn bản QPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về thông cáo báo chí về văn bản QPPL.

2. Thời hạn cung cấp văn bản để cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật:

a) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản QPPL, kể từ ngày ký xác thực đối với văn bản hợp nhất, cơ quan tham

mưu trình có trách nhiệm gửi bản PDF có dấu đỏ hoặc bản ký số điện tử và bản điện tử định dạng “.doc” hoặc “.docx” đến địa chỉ email của Vụ Pháp chế (vanthuphapche@moc.gov.vn) để thực hiện việc cập nhật văn bản;

b) Đối với văn bản QPPL quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL và văn bản có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ngày ký ban hành thì cơ quan tham mưu trình phải gửi đến địa chỉ email của Vụ Pháp chế (vanthuphapche@moc.gov.vn) ngay trong ngày công bố hoặc ký ban hành để Vụ Pháp chế thực hiện việc cập nhật văn bản.

3. Thời hạn gửi thông tin xây dựng Thông cáo báo chí:

a) Chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo, cơ quan tham mưu trình có trách nhiệm cung cấp thông tin về văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của mình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng theo mẫu quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản QPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành (gửi bản giấy và bản điện tử) đến Bộ Tư pháp tổng hợp, đồng thời, gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và gửi Vụ Pháp chế để theo dõi;

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc cung cấp thông tin để xây dựng Thông cáo báo chí.

Điều 52. Công bố, công khai thủ tục hành chính

1. Quyết định công bố thủ tục hành chính phải được ban hành chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành; chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản QPPL đối với văn bản QPPL có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

2. Nội dung quyết định công bố thủ tục hành chính, hình thức công khai, nhập, đăng tải công khai thủ tục hành chính đã công bố được thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 53. Bảo đảm nguồn lực cho công tác soạn thảo, ban hành văn bản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình bố trí cán bộ, kinh phí hỗ trợ, phương tiện làm việc, thông tin, các điều kiện cần thiết khác cho việc chuẩn bị, soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản QPPL thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 54. Kinh phí bảo đảm cho xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình, Vụ Pháp chế lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật do ngân sách nhà nước cấp, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên của Bộ.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình lập dự toán chi cho từng văn bản QPPL (không bao gồm dự toán chi cho soạn thảo báo cáo thẩm định thông tư, thông tư liên tịch) theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định theo quy định tại Điều 39 của Quy chế này, cơ quan chủ trì soạn thảo bố trí kinh phí để tổ chức cuộc họp, thẩm định văn bản; phối hợp cùng Vụ Pháp chế mời các đơn vị thuộc Bộ có liên quan, các chuyên gia, các nhà khoa học am hiểu về vấn đề chuyên môn thuộc nội dung của dự thảo thông tư tham gia cuộc họp. Mức chi cụ thể đối với người chủ trì và các thành viên dự họp, báo cáo tham luận bằng văn bản được thực hiện theo quy định.

3. Văn phòng Bộ thanh toán trực tiếp cho Vụ Pháp chế đối với kinh phí chi cho công tác thẩm định thông tư, thông tư liên tịch.

4. Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Bộ nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chính sách hỗ trợ, bố trí kinh phí phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện các văn bản QPPL theo Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ và thực hiện thủ tục phân bổ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho công tác xây dựng văn bản QPPL hằng năm của Bộ theo quy định hiện hành.

5. Văn phòng Bộ, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện chi và quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 55. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Trách nhiệm trong hoạt động phối hợp, tham gia góp ý:

Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến về nội dung văn bản nhưng không được cơ quan tham mưu trình tiếp thu thì được quyền bảo lưu ý kiến, báo cáo Lãnh đạo Bộ và không phải chịu trách nhiệm về các tác động của văn bản do việc không tiếp thu ý kiến đó.

2. Trách nhiệm trong việc thực hiện chế độ báo cáo công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản QPPL, tổ chức thi hành pháp luật:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm; gửi Vụ Pháp chế chậm nhất vào ngày 12 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) Vụ Pháp chế tổng hợp, xây dựng báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ ký, gửi Bộ Tư pháp chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện Quy chế:

a) Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế và báo cáo Lãnh đạo Bộ;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện phổ biến, quán triệt Quy chế này đến cán bộ, công chức trong đơn vị mình và nghiêm túc tổ chức thực hiện Quy chế.

Trường hợp văn bản được viện dẫn trong Quy chế này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên hệ trực tiếp hoặc gửi văn bản về Vụ Pháp chế để tổng hợp, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, giải quyết./.

Phụ lục 1
MẪU TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG
VĂN BẢN QPPL CỦA BỘ

(Kèm theo Quy chế soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản QPPL thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)

BỘ XÂY DỰNG
...(Tên cơ quan đăng ký)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL

Kính gửi: Bộ Xây dựng

- 1. Tên văn bản**
- 2. Sự cần thiết ban hành văn bản**
 - Cơ sở chính trị, pháp lý.
 - Cơ sở thực tiễn.
- 3. Mục đích ban hành**
- 4. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**
- 5. Định hướng nội dung; các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có)**
- 6. Nguồn lực thực hiện**
 - Cơ quan chủ trì soạn thảo;
 - Cơ quan tham mưu trình;
 - Cơ quan, đơn vị phối hợp;
 - Lãnh đạo Bộ phụ trách.
- 7. Kế hoạch soạn thảo văn bản:**
 - Thời gian trình dự thảo: tháng .../năm
 - Thời gian gửi thẩm định: tháng .../năm
 - Thời gian trình ban hành: tháng .../năm

Nơi nhận:
 - Như trên;
 -

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2**MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH DỰ THẢO THÔNG TƯ**

(Kèm theo Quy chế soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản QPPL thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)

**BỘ XÂY DỰNG
VỤ PHÁP CHẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
DỰ THẢO THÔNG TƯ.....**

Kính gửi: (Cơ quan tham mưu trình).....

Thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, theo đề nghị của(Cơ quan tham mưu trình)..... và trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ gửi thẩm định, kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định (nếu có), Vụ Pháp chế có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Thông tư... (sau đây gọi là dự thảo Thông tư) như sau:

1. Sự cần thiết ban hành thông tư
2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của thông tư
3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước
4. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên
5. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính (nếu có)
6. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có)
7. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản
8. Kết luận

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế đối với dự thảo Thông tư ..., đề nghị ... (Cơ quan tham mưu trình) ... nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

LÃNH ĐẠO VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)